

Số: 16 /2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ sử dụng đường bộ của các phương tiện tham gia giao thông đối với dự án đầu tư xây dựng đường 319 nối dài và nút giao giữa đường 319 với đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 8 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 01/TTr-SGTVT ngày 07 tháng 01 năm 2021 và Văn bản số 1281/SGTVT-KHTC ngày 12 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ của các phương tiện tham gia giao thông đối với dự án đầu tư xây dựng đường 319 nối dài và nút giao giữa đường 319 với đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc người được chủ sở hữu giao quyền chiếm hữu, sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (Sau đây gọi chung là chủ phương tiện).

b) Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án đầu tư xây dựng đường 319 nối dài và nút giao giữa đường 319 với đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Phương tiện sử dụng dịch vụ đường bộ và chủ phương tiện thanh toán giá dịch vụ sử dụng đường bộ

Theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức giá tối đa cho dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ do tỉnh Đồng Nai quản lý (Viết tắt là *Quyết định 39/2017/QĐ-UBND*).

3. Đối tượng miễn giá sử dụng dịch vụ đường bộ

Đối tượng miễn giá sử dụng dịch vụ đường bộ được quy định tại Điều 4 Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND.

4. Mức giá cụ thể

a) Mức giá cho một lần sử dụng dịch vụ đường bộ là mức thu quy định cho từng nhóm phương tiện tại khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND.

b) Mức giá tháng là mức thu cho dịch vụ sử dụng đường bộ khi phương tiện tham gia giao thông qua trạm trong thời gian 30 ngày. Mức giá tháng được tính bằng 30 (ba mươi) lần mức giá lượt.

c) Mức giá quý là mức thu tối đa cho dịch vụ sử dụng đường bộ khi phương tiện tham gia giao thông qua trạm trong thời gian 90 ngày. Mức giá quý được tính bằng 3 (ba) lần mức giá tháng và chiết khấu 10%.

d) Khi các yếu tố hình thành giá trong nước có biến động ảnh hưởng đến phương án tài chính của dự án thì sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh mức giá trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật về giá.

Bảng mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ cụ thể như sau:

Stt	Năm	Phương tiện chịu phí	Mức thu giá (Đồng/vé/ lượt)		
			Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
1	Giải đoạn năm 2021 -:- 2022	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	35.000	1.050.000	2.835.000
2		Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	47.000	1.410.000	3.807.000

3		Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	60.000	1.800.000	4.860.000
4		Xe tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 feet	95.000	2.850.000	7.695.000
5		Xe tải từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 feet	190.000	5.700.000	15.390.000
1	Giai đoạn năm 2023 -:- 2025	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	40.000	1.200.000	3.240.000
2		Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	55.000	1.650.000	4.455.000
3		Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	70.000	2.100.000	5.670.000
4		Xe tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 feet	110.000	3.300.000	8.910.000
5		Xe tải từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 feet	200.000	6.000.000	16.200.000
1	Giai đoạn năm 2026 trở về sau	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	50.000	1.500.000	4.050.000
2		Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	70.000	2.100.000	5.670.000
3		Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	85.000	2.550.000	6.885.000
4		Xe tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 feet	140.000	4.200.000	11.340.000
5		Xe tải từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 feet	200.000	6.000.000	16.200.000

5. Vé thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ: Vé thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được quy định tại Điều 8 Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm thực hiện

a) Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ của đơn vị thu và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

b) Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch có trách nhiệm đảm bảo, giữ gìn an ninh trật tự tại các trạm thu giá.

c) Nhà đầu tư có trách nhiệm

- Thực hiện thông báo công khai, niêm yết các thông tin về mức giá, đối tượng thanh toán giá dịch vụ sử dụng đường bộ, đối tượng miễn giá dịch vụ sử dụng đường bộ tại nơi bán vé và trạm thu theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức các điểm bán vé thuận tiện cho chủ phương tiện và tránh ùn tắc giao thông; bán kịp thời, đầy đủ các loại vé cho mọi đối tượng có nhu cầu sử dụng dịch vụ;

- Thực hiện thu, kê khai, nộp, quản lý, sử dụng tiền bán vé theo quy định của pháp luật;

- Chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về quản lý giá, giao thông đường bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức và cá nhân có liên quan báo cáo về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. *bc*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Tan-50 bản).

<F:\2021\UBT\Đường 319\>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức